TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2020/HS-ST
Ngày: 29 - 12 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Sầm Dắt Phắn.**
2. Bà **Trương Thị Lệ Thanh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thắm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tuấn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Trung tâm văn hóa cộng đồng xã Phú Tân, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 177/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng M – sinh năm: 1976, tại Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp 3, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Võ Thị D – 1949; Vợ: Nguyễn Thiện Mỹ L – 1986; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 17/8/2020. (có mặt)

2. Nguyễn Thiện Mỹ L – sinh năm: 1986, tại Tiền Giang; Nơi cư trú: Ấp 3, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thiện V – 1966 và bà Trần Thị Th – 1966; Chồng: Nguyễn Hoàng M – 1976; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/8/2020 đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:* Nguyễn Thị T – sinh năm: 1979. (vắng mặt)
Địa chỉ: 33A Phố 1, Ấp 3, xã PV, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
+ Phạm Nguyễn Phi V – sinh năm: 1975. (vắng mặt)
Địa chỉ: 33A Phố 1, Ấp 3, xã PV, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.
+ Võ Thị D – sinh năm: 1949. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.
+ Nguyễn Trọng K – sinh năm: 1980. (có mặt)
Địa chỉ: Phố 3, Ấp 3, xã PV, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thiện Mỹ L là vợ chồng làm nghề kinh doanh mua bán bưởi tại ấp 3, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Tháng 4/2017, vợ chồng M và L đã mua 01 xe ô tô tải biển số 63C-097.63, với giá 1.170.000.000đ tại cửa hàng (không rõ tên) thuộc huyện Bến Lức, tỉnh Long An, bằng hình thức trả góp, thông qua ký kết hợp đồng với cửa hàng và Ngân hàng A. Theo đó, vợ chồng M đã trả trước số tiền 300.000.000đ, Ngân hàng đã giữ lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 63C-097.63 và giao giấy chứng nhận đăng ký xe (bản sao có chứng thực của Ngân hàng) cho M. Xe ô tô tải biển số 63C-097.63 do Nguyễn Hoàng M đứng tên chủ sở hữu.

Đến khoảng 8/2019, do buôn bán, làm ăn bị thất bại và cần tiền nên M nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 63C-097.63 với mục đích thế chấp xe ô tô nhằm vay tiền trả nợ. Để thực hiện ý định của mình, M nhờ 01 người lái xe ôm (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí M làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số 63C-097.63, với giá 1.000.000đ. Sau khi có giấy chứng nhận đăng ký xe giả, M nói cho vợ mình biết toàn bộ sự việc làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số 63C-097.63, mục đích để vay tiền.

Ngày 31/8/2019, qua giới thiệu từ anh Nguyễn Trọng K (là bạn bè quen biết với M), M điều khiển xe ô tô biển số 63C-097.63 chở theo L và cầm theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả đến tiệm cầm đồ "Th", thuộc ấp 3, xã Phú Vinh, huyện Định Quán do chị Nguyễn Thị T làm chủ để cầm cố xe ô tô. Sau kiểm tra xe và giấy tờ đầy đủ, chị T tin tưởng giấy chứng nhận đăng ký xe là thật nên đồng ý cho vợ chồng M thế chấp vay tiền. Hai bên tiến hành ký hợp đồng thế chấp tài sản kèm theo giấy ủy quyền với nội dung vợ chồng M vay số tiền 400.000.000đ với lãi suất 3%/tháng. Đồng thời chị T được M ủy quyền sử dụng và chuyển nhượng xe ô tô trên.

M và L đã đóng cho chị T 01 tháng tiền lãi đầu tiên với số tiền 10.000.000đ và sau đó không tiếp tục đóng như trong thỏa thuận hợp đồng. Chị T đã nhiều lần liên lạc với M, L nhưng không được nên đã liên hệ tìm người bán xe ô tô trên thì phát hiện giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô chủ sở hữu Nguyễn Hoàng M có dấu hiệu bị làm giả và hiện giấy tờ xe ô tô biển số 63C-097.63 đang được thế chấp tại ngân hàng nên không thực hiện được việc mua, bán. Đến tháng 01/2020, M, L và bà Võ Thị D (là mẹ ruột M), đến nhận lại xe và thanh toán số tiền là 215.000.000đ cho chị T. Vợ chồng M, L chưa trả cho

chị T số tiền còn lại là 185.000.000đ. Ngày 10/6/2020, chị T làm đơn tố cáo Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thiện Mỹ L.

Tài sản thiệt hại: Số tiền Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thiện Mỹ L đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T là 400.000.000đ.

Vật chứng vụ án: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013680, đề ngày 21/04/2017, tên chủ xe Nguyễn Hoàng M biển số đăng ký 63C – 097.63 (ký hiệu A).

Căn cứ bản kết luận giám định số 1576/KLGĐ-PC09 ngày 10/8/2020 của Phòng PC09 Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận: Chữ ký mang tên Đại tá Trần Hoài Bảo trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký mang tên Đại tá Trần Hoài Bảo trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M) không phải do cùng một người ký ra. Hình dấu tròn CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) và hình dấu tròn CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình các bị cáo là bà Võ Thị D (là mẹ ruột của Nguyễn Hoàng M) đã bồi thường cho chị T số tiền gốc là 185.000.000đ, chị T không yêu cầu bồi thường số tiền lãi và không có yêu cầu gì khác đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thiện Mỹ L đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình theo đúng nội dung vụ án nêu trên.

Bản cáo trạng số 134/CT-VKSĐQ ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thiện Mỹ L về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán giữ quyền công tố luận tội và tranh luận; phân tích dấu hiệu phạm tội; đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố đối với các bị cáo, cụ thể: Viện kiểm sát rút quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thiện Mỹ L về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề xuất mức án đối với các bị cáo, cụ thể:

- Nguyễn Hoàng M từ 05 năm đến 06 năm tù.
- Nguyễn Thiện Mỹ L từ 04 năm đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và gia đình đã thỏa thuận bồi thường cho chị T số tiền gốc là 185.000.000đ, chị T không yêu cầu bồi thường số tiền lãi và không có yêu cầu gì thêm. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013680, đề ngày 21/04/2017, tên chủ xe Nguyễn Hoàng M biển số đăng ký 63C-097.63.

Đối với bà Võ Thị D: Qua điều tra bà D không biết việc các bị cáo dùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả để chiếm đoạt tài sản của bị hại nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với Nguyễn Trọng K là người giới thiệu địa điểm thế chấp xe cho M. Quá trình điều tra, K không biết việc các bị cáo dùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả để chiếm đoạt tài sản của bị hại nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với người lái xe ôm nhận làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho M, không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác M làm rõ, sẽ xử lý sau.

Các bị cáo có lời nói sau cùng như sau: Các bị cáo biết hành vi của mình là sai trái và ăn năn hối cải. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Định Quán, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán rút một phần quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Xét thấy, các bị cáo thực hiện các hành vi có liên quan chặt chẽ với nhau, hành vi sử dụng tài liệu giả là điều kiện để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, việc các bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại là hậu quả tất yếu của hành vi sử dụng tài liệu giả. Do đó, xác định hành vi sử dụng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 63C-097.63 giả là thủ đoạn gian dối của các bị cáo để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó cần thu hút vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Nên việc rút một phần quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 157, Điều 285 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần vụ án đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thiện Mỹ L bị truy tố về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thiện Mỹ L đã thành khẩn khai nhận tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng tháng 8/2019, Nguyễn Hoàng M đã thuê người làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 63C-097.63 với giá 1.000.000đ. Vào ngày 31/8/2019, Nguyễn Hoàng M và vợ là Nguyễn Thiện Mỹ L đến tiệm cầm đồ của chị Nguyễn Thị T, dùng thủ đoạn gian dối là sử dụng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 63C-097.63 giả và 01 xe ô tô biển số 63C-097.63 đưa cho chị T cầm cố, nhằm tạo lòng tin chiếm đoạt của chị T số tiền 400.000.000đ.

Hành vi do các bị cáo Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thiện Mỹ L đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, nó trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo thực hiện hành vi trên với lỗi cố ý. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó các bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là người đã trưởng thành và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Nguyễn Hoàng M tham gia với vai trò là người chủ mưu, khởi xướng và là người thực hành; Nguyễn Thiện Mỹ L tham gia với vai trò là người giúp sức. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào mức độ tham gia vào việc phạm tội của các bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra còn xem xét bị hại làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ cho các bị cáo, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, có nhận thức pháp luật thấp, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và đang nuôi con chưa thành niên là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[8]. Về hình phạt:

Về hình phạt chính:

Đối với bị cáo M: Xét bị cáo có vai trò chính, là người khởi xướng và là người thực hành. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cần thiết cách ly bị

cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo L: Xét tính chất và mức độ tham gia phạm tội thì thấy bị cáo phạm tội với vai trò thứ yếu, là người giúp sức. Bị cáo M và bị cáo L là vợ chồng, có 03 con chưa thành niên, từ trước đến nay các con chung do các bị cáo trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần có người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ vào Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng chế định án treo, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung và thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về mức hình phạt: Xét bị cáo M là người khởi xướng và là người thực hành; bị cáo L là người giúp sức. Do đó mức án của bị cáo M cao hơn bị cáo L.

Do các bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định cho các bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và gia đình đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị hại không yêu cầu gì thêm. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan công an thu giữ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013680, đề ngày 21/04/2017, tên chủ xe Nguyễn Hoàng M biển số đăng ký 63C-097.63. Xét vật chứng trên là công cụ dùng vào việc phạm tội, vật cấm tàng trữ. Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[11]. Về các vấn đề khác:

Đối với bà Võ Thị D: Qua điều tra bà D không biết việc các bị cáo dùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả để chiếm đoạt tài sản của bị hại nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với Nguyễn Trọng K là người giới thiệu địa điểm thế chấp xe cho M. Quá trình điều tra, K không biết việc các bị cáo dùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả để chiếm đoạt tài sản của bị hại nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với người lái xe ôm nhận làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho M, không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác M làm rõ, sẽ xử lý sau.

[12]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[13]. Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự;
- Áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo L;
- Khoản 2 Điều 157, Điều 285, điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thiện Mỹ L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt:

- Nguyễn Hoàng M 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 17 tháng 8 năm 2020.

- Nguyễn Thiện Mỹ L 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thiện Mỹ L cho Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Đình chỉ một phần vụ án đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thiện Mỹ L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai truy tố

về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013680, đề ngày 21/04/2017, tên chủ xe Nguyễn Hoàng M biển số đăng ký 63C-097.63.

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thiện Mỹ L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, ông Nguyễn Trọng K có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Nguyễn Phi V và bà Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Định Quán;
- CQCSĐT Công an huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Lưu hồ sơ vụ án – VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Lợi